

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay : Luận văn ThS

Kinh tế: 60.31.01 / Trần Thị Minh Châu ; Nghd. : TS.

Nguyễn Trần Quế

1. Sự cần thiết của đề tài

Trong những năm vừa qua, Việt Nam đã đạt được những bước tiến vượt bậc trong tăng trưởng và phát triển kinh tế. Để có những thành công đó, một phần rất quan trọng nhờ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung và cơ cấu ngành kinh tế nói riêng.

Tuy nhiên, hiện nay với xu thế toàn cầu hóa và nền kinh tế tri thức phát triển như vũ bão trên quy mô toàn cầu. Nền kinh tế tri thức đã ảnh hưởng tới tất cả các lĩnh vực trong đời sống kinh tế - chính trị - xã hội. Không có một quốc gia nào muốn vươn lên mà nằm ngoài xu thế đó, ngay cả đối với những nước đang phát triển như Việt Nam. Nền kinh tế tri thức dần xuất hiện và có những ảnh hưởng tới mọi mặt trong mọi hoạt động kinh tế. Chính vì vậy, nghiên cứu về quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam trở thành một vấn đề hết sức cấp thiết. Vì nếu chúng ta có một cơ cấu ngành kinh tế hợp lý, phát triển huy được những lợi thế, tiềm năng của đất nước, phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế tri thức thì chúng ta sẽ tạo ra được những bước phát triển nhảy vọt, góp phần nhanh chóng đưa đất nước thoát khỏi tình trạng tụt hậu, đuổi kịp các nước phát triển trên thế giới.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đó, em đã chọn đề tài: ***“Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay”*** làm đề tài nghiên cứu của mình để làm rõ hơn quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện mới - sự phát triển của nền kinh tế tri thức.

2. Tình hình nghiên cứu

Hiện nay, có một số công trình nghiên cứu về kinh tế tri thức cũng như quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam. Tuy nhiên những nghiên cứu về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức và các khía cạnh của nó chưa được nghiên cứu nhiều.

Có một số tác phẩm như: *“Kinh tế tri thức - xu thế mới của xã hội thế kỷ XXI”* của GS. TS. Ngô Quý Tùng, *“Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành và phát triển các trọng điểm, mũi nhọn ở Việt Nam”* của Đỗ Hoài Nam, *“Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong điều kiện hội nhập với khu vực và thế giới”* của Lê Duy Phong và Nguyễn Thành Độ ..v.v..

Tuy đã có một số công trình nghiên cứu có liên quan nhưng quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở nước ta trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức vẫn là một vấn đề mới, đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu thêm.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa một số vấn đề chung về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, kinh tế tri thức, tác động của kinh tế tri thức với chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và khái quát một số

kinh nghiệm của vài nước láng giềng về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức.

- Phân tích thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức ở nước ta và các phương hướng, giải pháp nhằm thúc đẩy nhanh hơn quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Với mục đích nghiên cứu như trên, đối tượng nghiên cứu của luận văn là vấn đề chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay trên cơ sở phân tích một vấn đề chung và kinh nghiệm quốc tế về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả luận văn sử dụng các phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, phân tích, diễn giải, suy luận và tổng hợp để làm rõ hơn quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức ở nước ta hiện nay và đề xuất các phương hướng, giải pháp để thúc đẩy nhanh hơn nữa quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

6. Dự kiến đóng góp mới của luận văn

(i) Hệ thống hóa lý luận về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và tác động của kinh tế tri thức đến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

(ii) Đánh giá thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức ở nước ta.

7. Bố cục luận văn

Với lý do lựa chọn và mục đích nghiên cứu như trên, luận văn này có bố cục gồm phần mở đầu, kết luận và 3 chương:

- *Chương 1: Những vấn đề chung về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức.*

- *Chương 2: Thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay.*

- *Chương 3: Những quan điểm cơ bản và giải pháp chủ yếu nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam.*

Chương 1

Những vấn đề chung của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức

1.1. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

1.1.1. Khái niệm cơ cấu kinh tế

“Cơ cấu kinh tế là một tổng thể hệ thống kinh tế bao gồm nhiều yếu tố có quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động qua lại với nhau trong một không gian và thời gian nhất định, trong những điều kiện xã hội cụ thể, hướng vào thực hiện các mục tiêu nhất định.” [12, tr.11].

Hệ thống kinh tế hợp thành cơ cấu kinh tế, thường được nghiên cứu theo ba phương diện, tạo thành ba loại hình cơ cấu khác nhau:

- Cơ cấu ngành kinh tế.
- Cơ cấu thành phần kinh tế.
- Cơ cấu vùng lãnh thổ.

Trong đó, cơ cấu ngành kinh tế giữ vai trò quan trọng hơn cả, nó được hình thành trên cơ sở phân công lao động xã hội và chuyên môn hóa sản xuất. Trong cơ cấu ngành kinh tế có ba ngành hay còn gọi là ba khu vực chính. Đó là: khu vực nông nghiệp, khu vực công nghiệp và khu vực dịch vụ.

1.1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế không bao giờ cố định, bất biến mà liên tục thay đổi để phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của từng quốc gia, ở mỗi một giai đoạn nhất định. Sự thay đổi đó còn gọi là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Nên kinh tế muốn phát triển thì phải có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp. Sự chuyển dịch đó diễn ra nhanh hay chậm và theo chiều hướng nào tùy thuộc vào các nhân tố chủ yếu là: Quy mô của nền kinh tế, mức độ mở cửa để hội nhập của nền kinh tế với bên ngoài, lượng dân số, tài nguyên thiên nhiên, nguồn vốn nhân lực, phong tục tập quán, bản sắc văn hóa ... của từng nước.

Ngày nay, với sự bùng nổ của cách mạng khoa học kỹ thuật và xu hướng toàn cầu hóa, thế giới bước sang kỷ nguyên của kinh tế tri thức. Khoa học kỹ thuật phát triển mạnh mẽ đã làm cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế đi theo xu hướng tỷ trọng các ngành công nghệ kỹ thuật mới tăng lên nhanh chóng và dần chiếm ưu thế, tỷ trọng các ngành truyền thống giảm dần.

1.1.3. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Cơ cấu ngành kinh tế luôn phải chuyển dịch để phù hợp với sự biến đổi của môi trường khoa học kỹ thuật bên ngoài. Một số ngành cũ mất đi, một số ngành mới ra đời nhằm đáp ứng các nhu cầu về vật chất và tinh thần trong thời đại mới. Không bao giờ có cùng tốc độ tăng trưởng, phát triển cho tất cả các ngành. Ngành nào thực sự cần thiết cho quốc tế dân sinh thì sẽ phát triển ngày càng nhanh, và ngược lại có những ngành quy mô và tốc độ phát triển ngày càng thu hẹp lại. Sự phát triển không đồng đều dẫn đến sự thay đổi cơ cấu ngành kinh tế quốc dân.

Như vậy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là sự vận động, phát triển của các ngành làm thay đổi vị trí, tương quan tỷ lệ và mối quan hệ tương tác giữa chúng theo thời gian, dưới tác động của những yếu tố kinh tế, xã hội nhất định của đất nước và quốc tế.

1.1.4. Tầm quan trọng của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế luôn là một trong những quốc sách hàng đầu đối với mọi quốc gia trên thế giới. Việc xây dựng một chiến lược chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế phù hợp với điều kiện riêng của từng nước là rất cần thiết. Có một chiến lược chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế phù hợp thì nền kinh tế mới có điều kiện phát triển nhanh và bền vững.

Việt Nam đã đạt được nhiều thành công vì có sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đúng hướng. Đảng và Nhà nước ta chủ trương giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ. Nông, lâm, ngư nghiệp giảm từ 24,3% năm 2000 xuống còn 20,9% năm 2005. Công nghiệp và xây dựng tăng từ 36,6% năm 2000 lên 41% năm 2005. Thương mại và dịch vụ giảm nhẹ từ 39,1% năm 2000 xuống còn 38,1% năm 2005.

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đã cải thiện đáng kể cuộc sống của người dân. Việt Nam từ một nước thiếu ăn, thường xuyên phải nhập khẩu lương thực, đã trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai trên thế giới.

Nhưng bên cạnh những thành công thì quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam vẫn còn có nhiều khó khăn, thách thức.

1.2. Kinh tế tri thức

1.2.1. Khái niệm về nền kinh tế tri thức

Kinh tế tri thức trong những năm gần đây được nói đến rất nhiều, như một biểu trưng xu thế phát triển tất yếu của nền kinh tế hiện tại và tương lai. Thuật ngữ kinh tế tri thức không còn dừng lại trên sách vở, tài liệu tham khảo dưới dạng học thuật mà tất cả các quốc gia kể cả quốc gia đang phát triển cũng đã, đang hoạch định các chiến lược, mục tiêu cụ thể để đi đến nền kinh tế tri thức.

Vậy nền kinh tế tri thức là gì? Chưa có một định nghĩa chính xác được chấp nhận chung về nền kinh tế tri thức nhưng có thể nói rằng đặc trưng nổi bật nhất của nền kinh tế tri thức là tri thức đã vượt qua những nhân tố sản xuất truyền thống là vốn và sức lao động để trở thành nhân tố quan trọng nhất đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội của quốc gia. Nói cách khác đang có sự chuyển biến toàn cầu từ các nền kinh tế dựa trên bắp thịt và tiền vốn chuyển sang nền kinh tế dựa trên trí não.

1.2.2. Những đặc trưng chủ yếu của nền kinh tế tri thức

Thứ nhất, sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tri thức hóa.

Thứ hai, công nghệ sản xuất luôn đổi mới, mang tính sáng tạo cao.

Thứ ba, ứng dụng công nghệ thông tin rộng rãi.

Thứ tư, các doanh nghiệp vừa hợp tác, vừa cạnh tranh để phát triển.

Thứ năm, kinh tế tri thức thúc đẩy hình thành một xã hội học tập.

Thứ sáu, vốn quý nhất trong nền kinh tế tri thức là tri thức.

Thứ bảy, sự đổi mới thường xuyên là động lực chủ yếu nhất thúc đẩy sự phát triển.

1.2.3. Sự tác động của phát triển kinh tế tri thức đến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Về cơ cấu kinh tế, trong kinh tế tri thức, nông nghiệp và công nghiệp vẫn tồn tại và phát triển nhưng chiếm tỷ lệ ngày càng nhỏ, các ngành kinh tế dựa vào tri thức và những thành tựu mới nhất của khoa học và công nghệ phát triển mạnh và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế. Sự phát triển khoa học và công nghệ trong kinh tế tri thức tác động đến biến đổi các bộ phận truyền thống trong cơ cấu kinh tế của mỗi quốc gia theo các hướng sau:

- *Hiện đại hóa các ngành truyền thống: Nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ.*
- *Hình thành những ngành mới, những ngành đại diện cho nền kinh tế tri thức.*

1.3. Kinh nghiệm quốc tế về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức và bài học rút ra cho Việt Nam

1.3.1. Trung Quốc

Quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức của Trung Quốc còn nhiều khó khăn, vì cơ sở hạ tầng và kỹ thuật then chốt của Trung Quốc còn kém xa các nước phát triển và hầu hết các nước trong khu vực.

Để đặt nền móng cho kinh tế tri thức, Trung Quốc phấn đấu hai mục tiêu vừa nâng cao trình độ phát triển công nghiệp, vừa quan tâm xây dựng và hoàn thiện nền móng thực thi kinh tế tri thức, tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực nghiên cứu và phát triển, truyền thông thông tin và giáo dục đào tạo.

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức ở Trung Quốc cụ thể bằng triển khai áp dụng công nghệ cao trong mười ngành công nghiệp chủ chốt. Đây chính là những ngành hạt nhân, mũi nhọn để phát triển công nghệ cao và kỹ thuật tiên tiến.

1.3.2. Xinhgapo

Mặc dù là một quốc đảo nhỏ bé xong Xinhgapo đã đạt được những thành tựu vững chắc trong quá trình công nghiệp hóa đất nước và quá trình tiến tới một nền kinh tế dựa trên tri thức.

Ngay từ những năm đầu thập niên 1980, Xinhgapo đã có sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nhằm hướng tới phát triển nền kinh tế dựa vào tri thức và nhấn mạnh vào việc sản xuất các sản phẩm có hàm lượng tri thức cao. Xinhgapo bắt đầu thực hiện từng bước chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng nhấn mạnh đến những ngành có giá trị gia tăng cao, đặc biệt là các ngành công nghiệp sử dụng công nghệ cao. Xinhgapo xác định các trụ cột của nền kinh tế là: Công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ kỹ thuật cao có lợi cho môi trường....

Ngay từ đầu những năm 80 của thế kỷ 20, Chính phủ Xinhgapo đã bắt đầu khuyến khích áp dụng công nghệ thông tin trong phát triển kinh tế

Bên cạnh đó, Chính phủ Xinhgapo đã đầu tư hàng tỷ USD vào việc nghiên cứu, thử nghiệm và thu hút các công ty xuyên quốc gia hàng đầu thế giới giúp xây dựng ngành công nghệ sinh học để phấn đấu tới năm 2010 Xinhgapo sẽ trở thành các trung tâm phát triển các liệu pháp y tế và dược ở khu vực.

1.3.3. Malaixia

Từ năm 1996, Malaixia đã bắt đầu xây dựng các kế hoạch nhằm nhanh chóng chuyển đổi từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức.

- Thứ nhất, tăng cường phát triển công nghệ tin học, xây dựng cơ sở hạ tầng cho nền kinh tế.
- Thứ hai, từng bước tin học hoá, mạng hóa và mô hình hóa ngành dịch vụ.
- Thứ ba, phát triển siêu hành lang truyền thông đa phương tiện, quy hoạch các khu công viên kỹ thuật cao.
- Thứ tư, là chú trọng phát triển giáo dục, khoa học, công nghệ và bồi dưỡng nhân tài.

1.3.4. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam

- Cốt lõi để chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức chính là phải hình thành vốn nhân lực, khuyến khích và bồi dưỡng nhân tài, lấy con người làm trung tâm của sự phát triển.
- Tiến hành cải tổ và cải cách kinh tế xã hội theo hướng tự do hóa hơn và cởi mở hơn.
- Lấy doanh nghiệp làm chủ thể của các chương trình đầu tư nghiên cứu và triển khai.

Chương 2

Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay

2.1. Những thành tựu của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay

2.1.1. Ngành công nghệ thông tin và viễn thông

Với ngành công nghệ thông tin, do sớm tiên đoán được vai trò của ngành này, Đảng và Nhà nước đã đề ra những chiến lược đồng bộ nhằm phát triển ngành công nghiệp này và coi đó là một lĩnh vực ưu tiên đầu tư phát triển.

Năm 1993, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 49/CP và Kế hoạch tổng thể về phát triển công nghệ thông tin của nước ta đến năm 2000.

Việc thực hiện Chương trình Quốc gia về công nghệ thông tin trong những năm qua đã đem lại bộ mặt mới cho công nghệ thông tin Việt Nam.

Công nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam phát triển với tốc độ trung bình 25% năm và tổng giá trị công nghiệp công nghệ thông tin năm 2003 vào khoảng 1,65 tỷ USD.

- *Viễn thông*

Cùng với Công nghệ thông tin, Viễn thông Việt Nam trong những năm qua đã có những bước tiến ngoạn mục, đặt cơ sở cho nền kinh tế tri thức, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng cường thương mại quốc tế và cải thiện đời sống xã hội, phúc lợi của nhân dân.

- *Phát triển Internet.*

- *Phát triển dịch vụ thông tin di động*

- *Phát triển thương mại điện tử*

2.1.2. Ngành công nghệ sinh học

Nghị quyết 18/CP (1994) của Chính phủ khẳng định: Cùng với các ngành công nghệ mũi nhọn khác (công nghệ thông tin, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới..), công nghệ sinh học sẽ góp phần khai thác tối ưu các nguồn lực của đất nước phục vụ phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân và chuẩn bị những tiên đề cần thiết về mặt công nghệ cho đất nước tiến vào thế kỷ 21.

- Về năng lực nghiên cứu triển khai công nghệ sinh học. Trong vài thập kỷ qua, Việt Nam đã triển khai và thu được nhiều kết quả tốt trong việc tăng cường tiềm lực công nghệ sinh học, nhằm phục vụ phát triển nền kinh tế quốc dân.

- Về công nghệ vi sinh.

- Về công nghệ tế bào thực vật.

- Về công nghệ tế bào động vật.

- Công nghệ enzym.

- Công nghệ gen.

2.1.3. Ngành công nghệ vật liệu mới

Mục đích của công nghệ vật liệu mới là chế tạo những vật liệu có những tính năng đặc biệt như: Chịu được nhiệt độ siêu cao, chịu được áp lực siêu cao, chịu cường độ siêu cao, chuyển tải thông tin tốc độ siêu cao và siêu dẫn dưới nhiệt độ thường.

Việt Nam đã có những thành công bước đầu trong ngành công nghệ mới này.

Một phân ngành nữa của công nghệ vật liệu mới là công nghệ nano cũng có những kết quả bước đầu. Công nghệ nano đã trở thành một hướng nghiên cứu ưu tiên trong chương trình nghiên cứu khoa học cơ bản của Việt Nam từ năm 2004.

2.1.4. Ngành công nghệ năng lượng mới

- Về năng lượng nguyên tử:

Năm 1976, Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Viện nguyên tử Việt Nam nhằm nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật hạt nhân vào các lĩnh vực y học, xây dựng, giao thông, công nghiệp, nông nghiệp, môi trường ... cũng như trong phát triển ngành năng lượng nguyên tử của đất nước.

Viện đang nghiên cứu đưa điện hạt nhân vào Việt Nam đã được triển khai có hệ thống, bao gồm một loạt vấn đề về công nghệ, an toàn, kinh tế, địa điểm, nhân lực, môi trường... làm cơ sở để Chính phủ có những quyết định chỉ đạo phát triển điện hạt nhân ở Việt Nam.

- Năng lượng mặt trời

2.1.5. Ngành công nghệ tự động hóa

ở Việt Nam, công nghệ tự động hóa đã có những thành tựu đáng kể. Từ chỗ trước đây chúng ta chỉ nghiên cứu, sửa chữa hệ thống tự động hóa các dây chuyền công nghệ nhập ngoại đến nay, đội ngũ khoa học đã nắm vững và làm chủ nhiều công nghệ tự động hóa hiện đại. Nhiều hệ thống điều khiển hiện đại đã được nghiên cứu, thiết kế và chế tạo tại Việt Nam, thay thế cho hàng nhập ngoại. Rất nhiều sản phẩm Việt Nam chế tạo đạt được tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với các sản phẩm của các nước tiên tiến, với giá thành thấp hơn nhiều lần so nhập ngoại. Có những sản phẩm đã giành được tín nhiệm của thị trường, được áp dụng rộng rãi, đã tiết kiệm rất nhiều ngoại tệ cho nhà nước và các cơ sở sản xuất.

2.2. Những hạn chế, bất cập của chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức

2.2.1. Hạn chế về mặt bằng công nghệ quốc gia

Hiện nay, Việt Nam vẫn phổ biến những công nghệ mang tính truyền thống, lạc hậu. Các công nghệ mới, công nghệ cao được ứng dụng trong sản xuất còn rất hạn chế, nhất là trong những lĩnh vực ưu tiên nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển kinh tế tri thức.

Ngoài ra, cơ cấu công nghệ chưa gắn kết, chưa trở thành cơ sở cho sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

Bên cạnh đó, việc thực hiện các chủ trương đã có của Nhà nước về phát triển các ngành công nghệ cao diễn ra rất chậm chạp.

Quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ nói chung, về công nghệ cao nói riêng chưa thoát khỏi cơ chế bao cấp để thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Và cuối cùng, nguồn lực cho sự phát triển công nghệ cao còn quá hạn hẹp, chúng ta còn thiếu nhiều cán bộ có trình độ công nghệ cao.

2.2.2. Hạn chế của thể chế kinh tế thị trường

- Thị trường quốc gia thống nhất đang trong quá trình hình thành nhưng chưa đồng bộ. Một phần do giao thông vận tải kém phát triển nên chưa lôi cuốn được tất cả các vùng trong nước và một mạng lưới lưu thông hàng hóa thống nhất.

- Thị trường hàng hóa - dịch vụ đã hình thành nhưng còn hạn hẹp và nhiều hiện tượng tiêu cực (hàng nhái, hàng nhập lậu, hàng nhái nhãn hiệu...).

- Thị trường lao động - thị trường công nghệ mới manh nha.

- Thị trường tiền tệ, thị trường vốn đã có nhiều tiến bộ, xong vẫn còn trắc trở và chưa thực sự đảm bảo an toàn cho sản xuất kinh doanh.

- Thị trường chứng khoán qua hơn sáu năm hoạt động với hiệu quả nghèo nàn, có lẽ còn lâu mới có thể trở thành phong vũ biểu cho nền kinh tế như các nước phát triển.

2.2.3. Hạn chế về nguồn nhân lực

Hầu hết lực lượng lao động của nước ta không có trình độ chuyên môn kỹ thuật, chiếm đến 78,77%, số lao động có tay nghề chỉ là 21,23%. Trong đó trình độ cao đẳng, đại học trở lên chiếm 4,47%. Con số đó quả là quá khiêm tốn, minh chứng hiển nhiên về sự thiếu hụt lao động có trình độ cao ở nước ta.

Nguồn nhân lực có chất lượng rất ít ỏi và phân bố không đều trên cả nước mà tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn. Đặc biệt là thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh chiếm đến 34% lực lượng lao động có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học.

Bên cạnh đó, khả năng phát huy tác dụng của cán bộ khoa học - công nghệ còn yếu.

2.3. Nguyên nhân của những thành tựu và yếu kém

2.3.1. Nguyên nhân của những thành tựu

2.3.1.1 Đường lối đổi mới của Đảng

Đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam được Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ 6 đề ra vào tháng 12 - 1986 với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng và hoạt động theo quy luật khách quan.

- Đổi mới trên mọi phương diện. Đổi mới tư duy lý luận, trước hết là đổi mới kinh tế. Đảng xác định đổi mới tư duy kinh tế là yêu cầu cấp thiết nhất.

- Đổi mới cơ cấu kinh tế.

- Đổi mới cơ chế quản lý trên cơ sở xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp.

- Đổi mới vai trò quản lý điều hành của Nhà nước.

- Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng.

- Đổi mới quan hệ đối ngoại.

2.3.1.2. Phát huy thành công khối sức mạnh đại đoàn kết dân tộc

Những thành tựu chúng ta đạt được có nguồn gốc sâu xa nhờ vào sức mạnh của nhân dân Việt Nam. Có sự đoàn kết của dân là có tất cả. Sự đoàn kết đó càng rộng, càng vững chắc thì thắng lợi càng lớn.

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quán triệt chủ trương “lấy dân làm gốc” và xác định “sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân”. Mọi hành động đều để phục vụ nhân dân, hướng đến mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Những người lãnh đạo thực sự là người đầy tớ của nhân dân.

2.3.1.3. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra một cơ hội thuận lợi cho những nước đi sau có những bước phát triển “nhảy vọt”, “rút ngắn” trong nền kinh tế không cần đi theo những bước tuần tự như các nước phát triển trước đây.

Việt Nam đã trải qua 20 năm thực hiện chính sách đổi mới, mở cửa. Với những tiềm năng và nguồn lực phong phú của mình, việc hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra rất nhiều thuận lợi cho Việt Nam.

2.3.2. Nguyên nhân của những yếu kém

2.3.2.1. Nguyên nhân khách quan

Quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức của nước ta có rất nhiều khó khăn, có một nguyên nhân rất quan trọng do Việt Nam đã phải trải qua nhiều thập kỷ chiến tranh lâu dài, ác liệt và tàn dư của cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa tập trung hành chính bao cấp.

2.3.2.2. Nguyên nhân chủ quan

Hạn chế của hệ thống giáo dục và đào tạo, môi trường xã hội chưa tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức.

Chương 3

Những quan điểm cơ bản về phát triển nhanh và bền vững ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay

3.1. Những quan điểm cơ bản nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức ở Việt nam hiện nay

3.1.1. Phát triển nhanh và bền vững

Tháng 12 năm 1990, Chính phủ Việt Nam và Chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP) đã tổ chức Hội thảo quốc tế về môi trường và phát triển ở Việt Nam. Theo đó, một Kế hoạch hành động quốc gia (NAP) đã được đề xuất nhằm ứng phó với những thách thức về môi trường ở Việt Nam. Phát triển bền vững là phương hướng cơ bản mà chiến lược và kế hoạch hành động đã kiến nghị.

Theo chiến lược và kế hoạch hành động thì phát triển bền vững ở Việt Nam có những mục đích sau:

- Thỏa mãn nhu cầu về đời sống vật chất, tinh thần, văn hóa của toàn thể nhân dân Việt Nam thuộc thế hệ hôm nay và những thế hệ mai sau bằng việc quản lý hợp lý tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên con người của đất nước.

- Xác định, hình thành các chính sách, kế hoạch hành động, cấu trúc các thể chế nhằm đảm bảo việc duy trì tính bền lâu của tài nguyên thiên nhiên sẽ được gắn bó với mọi mặt của quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Vấn đề cần đặt ra là tính khả thi và hiện thực của phát triển bền vững trên toàn thế giới và Việt Nam.

3.1.2. Kết hợp truyền thống với hiện đại, tạo đột phá ở những ngành trọng điểm có sức lan tỏa thực sự

Trong quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức, sự kết hợp tri thức truyền thống của các ngành, các làng nghề, các công nghệ truyền thống cùng với tri thức hiện đại, cách quản lý mới, một tư duy mới nhằm nâng yếu tố truyền thống lên một tầm cao mới, tạo ra những sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Điều đó sẽ giải quyết cả vấn đề việc làm.

Đầu tư thích đáng phát triển những ngành công nghệ cao, đặc biệt là ngành công nghệ thông tin, đưa nhanh công nghệ thông tin và các công nghệ cao khác phù hợp vào các cơ sở sản xuất công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp để tạo động lực lan tỏa.

3.1.3. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế gắn với hội nhập kinh tế quốc tế để tranh thủ cơ hội về vốn, công nghệ và thị trường thế giới, đi nhanh vào kinh tế tri thức

Việt Nam từ lâu cũng đã xác định tham gia vào quá trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế là một hiện thực khách quan, không thể bỏ qua. Việt Nam chủ động hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, bảo vệ lợi ích dân tộc, bản sắc văn hóa và

định hướng xã hội chủ nghĩa, không bỏ lỡ thời cơ song phải chủ động về lộ trình, khắc phục, hạn chế các mặt bất lợi.

3.2. Những giải pháp chủ yếu nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Tập trung các điều kiện để phát triển nhanh có chọn lọc các ngành kinh tế dựa vào tri thức và công nghệ cao

Vấn đề lựa chọn các ngành cần tập trung phát triển luôn là vấn đề được đặt ra trong nghiên cứu cơ cấu ngành kinh tế. Các ngành kinh tế dựa vào tri thức và công nghệ cao có thể kể đến một số ngành như: Công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, năng lượng mới, công nghệ tự động hóa....Việt Nam cũng đã xác định bốn ngành công nghệ mũi nhọn kể trên.

Việc tập trung các điều kiện để phát triển nhanh các ngành kinh tế dựa vào tri thức và công nghệ mới nhất sẽ tạo ra những bước nhảy vọt cho nền kinh tế.

3.2.2. Khai thông các kênh huy động nguồn lực cho phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức

Các nguồn lực hiện có của nền kinh tế Việt Nam.

- Về nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- Về vốn và công nghệ.
- Về nguồn tài nguyên con người có thể coi loại lợi thế nổi bật của Việt Nam so với các yếu tố nguồn lực khác như tài nguyên thiên nhiên, vốn, công nghệ.

Như vậy trong từng điều kiện cụ thể, chúng ta quyết định cần ưu tiên phát huy cho nguồn lực nào để góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức.

3.2.3. Đầu tư phát triển mạnh nguồn nhân lực

Quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức muốn thành công thì một trong những yếu tố quan trọng nhất chính là con người, con người có tri thức, có tư duy mới và khả năng sáng tạo cao.

Để giáo dục thực sự trở thành quốc sách hàng đầu, Nhà nước phải có những chính sách trọng dụng, thu hút nhân tài.

Bên cạnh đó, cần phải tiến hành song song việc nâng cao trình độ học vấn của nhân dân, phải tiến hành ngay một cuộc cách mạng toàn diện trong giáo dục, phát triển hệ thống học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Thúc đẩy nhanh xã hội hóa giáo dục, đa dạng hóa các loại hình trường, lớp, đào tạo, khuyến khích nhân dân và các tổ chức cá nhân ở nước ngoài tham gia đầu tư, phát triển hệ thống giáo dục ở nước ta.

3.2.4. Tăng cường năng lực khoa học, công nghệ quốc gia, phát triển mạnh thị trường công nghệ, thiết lập hệ thống đổi mới quốc gia hữu hiệu

Nghị quyết Trung ương 2 (khóa 8) và Kết luận Hội nghị Trung ương 6 (khóa 9) chỉ rõ: “Một mặt, nhà nước tập trung sức chăm lo cho sự *phát triển tiềm lực khoa học công nghệ*, tăng cường đầu tư cho phát triển khoa học cơ bản, xây dựng các trung tâm khoa học quốc gia vững mạnh làm điểm tựa cho phát triển công nghệ, đảm bảo luận cứ khoa học cho định hướng phát triển đất nước. Mặt khác, nhà nước có khung pháp lý minh bạch, tạo môi trường kinh doanh năng động, cạnh tranh lành mạnh, trên cơ sở đó *phát*

triển thị trường khoa học công nghệ, thúc đẩy sự ứng dụng khoa học và phát triển công nghệ, giải phóng mọi năng lực sáng tạo”.

3.2.5. Phát triển và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội

Để quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức diễn ra nhanh hơn, Nhà nước cần sớm ban hành cơ chế, chính sách phù hợp nhằm khuyến khích và bắt buộc tất cả các ngành, các lĩnh vực đời sống kinh tế xã hội đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin. Vì công nghệ thông tin chính là ngành then chốt tạo ra động lực mạnh mẽ cho sự phát triển sâu rộng trên phạm vi toàn xã hội.

Công nghệ thông tin có thể làm thay đổi hẳn tác phong làm việc, cách thức tổ chức quản lý, nếp sống, tư duy bằng các ứng dụng vô cùng thuận tiện của nó.

Phát triển công nghệ thông tin về các vùng nông thôn, miền núi, hải đảo.

Tăng cường hoạt động của Ủy ban chỉ đạo Nhà nước về Công nghệ thông tin trên quy mô toàn quốc, có tác dụng huy động các nguồn lực để phát triển nhanh ngành công nghệ thông tin.

3.2.6. Đổi mới hệ thống chính trị, đổi mới cơ chế chính sách, tạo lập một khuôn khổ pháp lý mới

Đổi mới hệ thống chính trị đồng bộ với đổi mới về kinh tế. Hệ thống chính trị cần phải trong sạch, vững mạnh, đảm bảo là đầu tàu chỉ huy tất cả các hoạt động khác của đất nước, thúc đẩy sự vươn lên và lớn mạnh không ngừng của đất nước theo đúng nguyên tắc : “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”.

Thúc đẩy việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống quyền sở hữu trí tuệ, đảm bảo việc thực thi tốt Luật sở hữu trí tuệ đã được Quốc hội thông qua vào ngày 18-11-2005 và có hiệu lực thi hành vào ngày 01-07-2006, nhằm tạo ra hành lang pháp lý chống lại các hành động trộm cắp, in sao trái phép. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cho người chủ sở hữu.

3.2.7. Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường

Quan điểm xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được khẳng định kể từ Đại hội 6 của Đảng (1986), qua các kỳ Đại hội, đến Đại hội 9 của Đảng (năm 2001) đã xác định một trong những mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2001 - 2010 là: “Thể chế kinh tế thị trường được hình thành về cơ bản”.

Việc nhanh chóng hình thành và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa giúp cho đất nước ta có đầy đủ khả năng giải phóng mạnh mẽ mọi lực lượng sản xuất, phát huy các khả năng sáng tạo, tạo điều kiện cho mọi người dân, mọi chủ thể phát huy hết khả năng của mình, đóng góp ngày càng nhiều vào phát triển sản xuất và sự lớn mạnh của nền kinh tế Việt Nam, vững vàng hội nhập với nền kinh tế toàn cầu.

KỶ LUẬN

Xu thế toàn cầu hóa và nền kinh tế tri thức đã diễn ra trên toàn thế giới và đó là một xu thế không thể đảo ngược. Để nền kinh tế Việt Nam có những khởi sắc hơn nữa, hơn lúc nào hết chúng ta đã nhận thấy tầm quan trọng của việc xây dựng một chiến lược chuyển dịch cơ cấu ngành hợp lý để phát triển tất cả những nội lực của đất nước và tranh thủ ngoại lực từ bên ngoài.

Việt Nam cần phải xây dựng chiến lược riêng dựa trên những đặc điểm kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước. Biết phát huy những ưu điểm, hạn chế nhược điểm, tận dụng hết khả năng cùng sự giúp đỡ, ủng hộ của bạn bè quốc tế để quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức diễn ra nhanh và thuận tiện.

Quá trình đó rất lâu dài, phức tạp nhưng tin rằng với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, chúng ta sẽ vượt qua tất cả những thử thách, nhanh chóng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng phát triển kinh tế tri thức, xây dựng đất nước Việt Nam ngày càng giàu đẹp, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, để dân tộc Việt Nam có thể sánh vai cùng các cường quốc năm châu như mong muốn của chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Danh Mục Tài Liệu Tham Khảo

Tài liệu trong nước

1. Vũ Tuấn Anh (1994), *Đổi mới kinh tế và phát triển ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Bộ Thương mại, *Báo cáo thương mại điện tử Việt Nam 2005*.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Trần Ngọc Hiền (11/2004), *Tác động của kinh tế tri thức đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước ta và suy nghĩ vận dụng vào thực tiễn*, NXB Thông tin khoa học xã hội, Hà Nội.

6. Đặng Hữu (2004), *Kinh tế tri thức – Thời cơ và thách thức đối với sự phát triển của Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Đặng Hữu (2000), “Phát triển nhanh và bền vững dựa trên tri thức”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, (số 11,12).
8. Hồ Chí Minh Toàn tập (2000), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, T9.
9. Vũ Trọng Lâm (2004), *Kinh tế tri thức ở Việt Nam - Quan điểm và giải pháp phát triển*, NXB khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
10. Đặng Mộng Lân (2002), *Kinh tế tri thức – Những khái niệm và vấn đề cơ bản*, NXB Thanh Niên, Hà Nội.
11. Đỗ Hoài Nam (1996), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành và phát triển các ngành trọng điểm, mũi nhọn ở Việt Nam*, NXB KHXH, Hà Nội.
12. Nguyễn Trần Quế (2004), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ 21*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Đặng Kim Sơn (2001), *Công nghiệp hóa từ nông nghiệp. Lý luận thực tiễn và triển vọng áp dụng ở Việt Nam*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
14. Đỗ Trung Tá, Bộ trưởng Bộ Bưu chính viễn thông, “ Công nghệ thông tin - truyền thông Việt Nam. Thời cơ vận hội và con đường rút ngắn khoảng cách” . *Báo Bưu điện Việt Nam*, (Số 1 năm 2005).
15. GS TS Lê Hữu Tầng, GS Lưu Hàm Nhạc (2002), *Nghiên cứu so sánh đổi mới kinh tế ở Việt Nam và cải cách kinh tế ở Trung Quốc*, NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
16. Bùi Tất Thắng (1994), *Sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong thời kỳ CNH của các NIEs Đông á và Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Bùi Tất Thắng (3/2004): “EU mở rộng và vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*, (số 4).
18. Trần Đình Thiên (2002), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam – Phác thảo lộ trình*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
19. Phạm Tiến, Viện kinh tế thế giới (2004), “Con đường hướng tới nền kinh tế tri thức của Malaixia” đăng trên “*Hội thảo kinh tế tri thức- Cơ hội và thách thức đặt ra cho Việt Nam*”.
20. GS TS Ngô Quý Tùng (2000), *Kinh tế tri thức, xu hướng mới của thế kỷ XXI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
21. Trần Văn Tùng (2001), *Nền kinh tế tri thức và yêu cầu đổi mới giáo dục Việt Nam*, NXB Thế giới, Hà Nội.
22. Viện Chiến lược phát triển (5/2003), *Yêu cầu và giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư trong thời gian tới*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Bộ KH và ĐT. Chủ nhiệm đề tài: TS Lưu Bích Hồ. Hà Nội.

Tài liệu nước ngoài, tài liệu điện tử

23. APEC (11/2000), *Towards knowledge-based-economic in APEC – Report by APEC Economic Committee*.
24. Clelio Compolina Diniz (Dec 2001), *Knowledge economy and regional development in Brasil – Paris*.
25. David J.Skyrme (4/2000), “Intellectual capital asset”, *Management Insight* (No 24).
26. Debbie Ariyo (Jan. 2001), “Developing a Knowledge-Driven Nigerian Economy”, *An Economic Framework for the 21th Century*.

27. Diane Coyle (1998), *The Weightless World: Strategies for Managing the Digital Economy*.
28. Lester C. Thurow (2000), *Building wealth: The New Rules for Individuals, Companies and Nation in a Knowledge-Based Economy*, Harper Business,.
29. OECD (2000). *Knowledge – based Industries in Asia*.
30. Peter F. Drucker (3 November, 2001), *The next society* - The economist.
31. Peter F. Drucker, (Oct, 1999), *Beyond the Information Revolution*, - The economist.
32. World Bank – European Commission (Feb, 2002)– *Building knowledge economies: Opportunities and Challenges for the EU accession countries* (Final report of the Knowledge Economy Forum); Paris.
33. World Bank (2002), *From natural Resources to the Knowledge economy, Trade and Job Quality* – New York.
34. World development report 1999/2000 “*Entering the 21st century*”, The World Bank. Washington, 9/1999.
35. <http://www.tchdkh.org.vn/tchitiet.asp?code=518>
36. http://www.mpi.gov.vn/showTinvan.aspx?lang=4&ma_tinvan=10681
37. <http://www.vnpt.com.vn/info181203asp?ID=21dataID=766>
38. <http://www.tchdkh.org.vn/tchitiet.asp?code=2106>
39. <http://www.tchdkh.org.vn/tchitiet.asp?code=415>
40. <http://irv.moi.gov.vn/KH-CN/diendan/2005/5/13936.ttvn>
41. <http://www.moi.gov.vn/News/detail.asp?Sub=10&id=5608>
42. <http://www.na.gov.vn/vietnam/chuyende/04-09-14congngheipvn.html>
43. <http://www.vnast.gov.vn/index.asp?m=TQ01&bydate=&lan=0&page=1layID=21>